

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HS-ST

Ngày 29-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Hồng Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Kiều Thị Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:*
ông Trần Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2021, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 47/2021/TLST-HS, ngày 20/12/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/HSST-QĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

TẠ VĂN N, sinh năm: 1992 tại Lâm Đồng; nơi cư trú: bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn N1, sinh năm 1970 và bà Phùng Thị Th, sinh năm 1973; có vợ là Nguyễn Thị Th1 (đã ly hôn năm 2018) và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015); bị bắt tạm giữ ngày 02/12/2021 sau đó chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Glong - có mặt.

Bị hại: anh Lê H, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

Người làm chứng: anh Tô Văn Tr, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tạ Văn N; trú tại bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do mâu thuẫn với gia đình nên khoảng giữa tháng 11/2021, N bỏ nhà đến thuê phòng trọ nhà nghỉ L, thôn Q, xã Q (*do anh Hoàng Thái Đ làm chủ*). Vì không có tiền trả phòng trọ nên khoảng 08 giờ ngày 02/12/2021 N thuê xe “ôm” về nhà lấy thẻ ATM rút tiền trả cho anh Đạo. Khi về đến nhà, cửa đã khóa nên N đi bộ quay trở lại ra phía trước sân; đi được một đoạn, N nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát 47M9-7087 đang dựng bên đường không người trông coi, chìa khóa xe vẫn đang cắm trên ổ khóa, N liền nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền trả phòng trọ và tiêu xài cá nhân. N đi đến bật khóa nổ máy điều khiển xe mô tô về hướng xã Đ, huyện Đ. Trước đó, anh Lê H (*là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 47M9-7087*) dựng xe để đi làm rẫy. Ngay khi phát hiện N lấy trộm xe, anh H vừa đuổi theo vừa gọi điện báo cho lực lượng Công an các xã Q và xã Đ chốt chặn, truy đuổi. Khi chạy đến địa bàn xã Đ thì N bị anh H và mọi người bắt giữ.

Vật chứng: xe mô tô biển kiểm soát 47M9-7087, nhãn hiệu Honda, màu đen - xám; 01 giấy đăng ký xe mang tên Lê H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 03/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Glong kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 47M9-7087 có giá trị còn lại là 3.667.000 đồng (*ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKS, ngày 17/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố bị cáo Tạ Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất mức độ, hành vi phạm tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập của bị cáo; đề nghị chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra; về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu nên không đề cập.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong; Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục rút gọn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp lý qua đó xác định: vào sáng ngày 02/12/2021, tại xã Q, huyện Đ, Tạ Văn N đã có hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 47M9-7087, nhãn hiệu Honda có giá trị 3.667.000 đồng của anh Lê H. Vì vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[3] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo là người có nhân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo đã ly hôn và là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi 02 con nhỏ; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự cũng tương xứng và đủ sức răn đe, thể hiện chính sách nhân đạo

và khoan hồng của pháp luật. Bị cáo là người làm thuê không có việc làm thường xuyên, thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

[4] Về vật chứng: Ngày 15/12/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong ra quyết định xử lý vật chứng số 19 trả lại chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe cho chủ sở hữu hợp pháp anh Lê H là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Lê H không yêu nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Tạ Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; các điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tạ Văn N 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/12/2021 đến ngày 29/12/2021 là 27 ngày (tương đương với 81 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 09 tháng 07 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và gia đình bị cáo cùng phối hợp để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận ngày 15/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong ra quyết định xử lý vật chứng số 19 trả lại xe mô tô biển kiểm soát 47M9-7087 và giấy đăng ký xe cho chủ sở hữu hợp pháp anh Lê H.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q, huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Hồng Nhung